TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2026/DS-ST
Ngày: 20-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Bà Trương Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoàng Trung Tính – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí D, sinh năm 1990; địa chỉ: Hẻm A, đường P, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trí D trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết. Vào ngày 07/5/2021, ông D có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 250.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản T của ông H. Ngày 21/7/2021, ông H tiếp tục vay của ông D số tiền 3.900.000.000 đồng, số tiền vay này cũng được ông D chuyển qua số tài khoản T của ông H. Cùng ngày 21/7/2021, ông H và ông D xác nhận lại số tiền vay 3.900.000.000 đồng mà ông D đã chuyển khoản qua số tài khoản T cho ông H theo giấy mượn tiền đề ngày 21/7/2021 có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ cũng như xác

nhận của ông H về việc đã nhận đủ tiền vay của ông D. Cả hai khoản vay nói trên giữa ông D và ông H đều không có thoả thuận về thời hạn trả nợ. Về lãi suất cho vay giữa các bên, giữa ông D và ông H cũng chỉ thoả thuận miệng với nhau khi nào ông H làm ăn có lợi nhuận thì mới trả tiền lãi cho ông D. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H có chuyển khoản tiền lãi cho ông D nhưng không cố định. Tuy nhiên, kể từ ngày 25/4/2023, ông H không trả thêm bất cứ khoản tiền lãi nào cho ông D mặc dù ông D đã nhiều lần liên hệ với ông H nhưng ông H chỉ hứa hẹn cố gắng sắp xếp trả mà không có thiện chí né tránh trách nhiệm trả nợ cho ông D.

Do đó, ngày 21/5/2025 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho ông D toàn bộ số nợ gốc là 4.150.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm từ ngày 25/4/2023 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính đến ngày 25/3/2025) là: 10%/năm x 4.150.000.000 đồng x 23 tháng = 795.416.667 đồng. Tổng cộng số tiền ông D yêu cầu ông H phải trả là 4.945.416.667 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn xác định rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc ông H đã vay của ông D vào ngày 07/5/2021 là 250.000.000 đồng và yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho nguyên đơn trên tổng số tiền gốc đã vay.

Tại phiên toà: Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện của mình yêu cầu ông H có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 3.900.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 21/7/2021.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông H và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì thêm.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền gốc đã vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi trên tổng số tiền gốc mà bị đơn đã vay của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 3.900.000.000 đồng nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với đối với tiền gốc ông H đã vay là 250.000.000 đồng vào ngày 07/5/2021 và yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho nguyên đơn trên tổng số tiền gốc đã vay là 843.378.334 đồng. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn theo quy đinh tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Dương B bị đơn ông H phải trả số tiền gốc đã vay theo giấy mượn tiền ngày 21/7/2021 với số tiền vay là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu triệu) đồng. Căn cứ vào các Điều 398, 400, 401 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng cho vay tiền ngày 21/7/2021 giữa các bên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Bị đơn ông H có vay của nguyên đơn ông D số tiền là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu triệu đồng). Ông D khai, trong quá trình vay ông H chưa trả cho ông D bất cứ một khoản tiền nợ gốc nào, ông D đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H né tránh nên tháng 5/2025, ông D khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông H phải có trách nhiệm trả cho ông D khoản tiền nợ gốc theo giấy cho vay tiền ngày 21/7/2021 mà ông H đã vay của ông D. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có bất kỳ văn bản phản đối nào đối với yêu cầu của ông D, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác, do đó Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để xem xét.

Căn cứ vào nội dung giấy mượn tiền đề ngày 21/7/2021 cũng như kết quả giám định tại Kết luận giám định số 211/KL – KTHS ngày 09/01/2026 theo đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của nguyên giấy mượn tiền đề ngày 21/7/2021, tại kết luận giám định kết luận: Chữ ký, họ tên Nguyễn Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Nguyễn Văn H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 (đã nêu ở mục II.2) do cùng 01 người

ký ra; chữ viết họ tên Nguyễn Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với chữ viết của Nguyễn Văn H trên 03 (ba) tài liệu mẫu giám định so sánh ký hiệu M1, M2, M3 (đã nêu ở mục II.2) do cùng 01 người viết ra; dấu vây tay mang tên Nguyễn Văn H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (đã nêu ở mục II.1) so với dấu vân tay của Nguyễn Văn H trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (đã nêu ở mục II.2) là dấu vây tay của 01 người. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Từ các cơ sở đã phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc là 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu triệu đồng).

[3] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 238, 244, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 398, 400, 401, 463, 464, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trí D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trí D số tiền 3.900.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm triệu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 843.378.334 đồng (tám trăm bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải chịu 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Trí D số tiền 56.472.708 đồng (năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm lẻ tám đồng) do ông D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004631 ngày 13/6/2025 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là phòng thi hành án khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hoa